

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2025/HNGĐ-ST

Ngày 24/02/2025

V/v: Ly hôn; tranh chấp

nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thuỳ – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 658/2024/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/01/2025, Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Ngọc T**, sinh năm 1985; nơi ĐKKHKT: Khu dân cư L, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương; hiện ở Đài Loan.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 06/5/2016 tại UBND xã L, thành phố C trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, vợ chồng thường xảy ra tranh cãi. Năm

2022 anh H đi Đài Loan lao động để phát triển kinh tế gia đình. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc nhưng mỗi lần đều xảy ra tranh cãi nên dần dần cắt đứt liên lạc. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn anh H.

- Về quan hệ con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo A sinh ngày 04/01/2017, hiện đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị T trình bày không biết địa chỉ của anh H ở Đài Loan nên không thể cung cấp cho Tòa án; đề nghị Tòa án xác minh qua bố mẹ anh H là ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2 ở thôn T, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Nguyễn Thị H2 trình bày:

Bà là mẹ của anh H, chị T là vợ anh H. Hiện anh H ở Đài Loan, bà H2 không rõ địa chỉ cụ thể nên không thể cung cấp cho Tòa án nhưng bà H2 vẫn liên lạc với anh H nên đồng ý nhận các văn bản của Tòa án để thông báo cho anh H. Quan điểm của anh H về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Chị T và anh H có 01 con chung như chị T trình bày là đúng. Đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi của con chung và anh H.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Công văn số 237/PA08 ngày 13/01/2025, Phòng Q – Công an tỉnh H cung cấp anh H xuất cảnh ra nước ngoài ngày 12/6/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật, xử cho chị Trần Thị Ngọc T ly hôn anh Nguyễn Văn H; giao con chung Nguyễn Ngọc Bảo A sinh ngày 04/01/2017 cho chị T nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng

nuôi con; chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị T đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn, con chung với anh H. Chị T, anh H đều đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương nhưng anh H hiện đang ở nước ngoài. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Chị T xác định vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2021 do tính cách không hợp. Sau khi anh H đi Đài Loan thì mỗi lần liên lạc vợ chồng lại tranh cãi nên dần dần đã cắt đứt liên lạc. Xét thấy anh H đi Đài Loan từ năm 2022 chưa về, vợ chồng ly thân từ đó đến nay đã gần 3 năm, hiện không còn liên lạc, hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận cho chị T ly hôn anh H.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo A sinh ngày 04/01/2017, hiện đang ở với chị T. Xét thấy hiện anh H ở nước ngoài không có điều kiện trực tiếp nuôi con, con chung đang ở với chị T, được chị T trực tiếp chăm sóc và được đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập đầy đủ, phát triển khoẻ mạnh; con chung cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Chị T đã được giải thích việc cấp dưỡng là để đảm bảo quyền lợi của con chung nhưng chị T vẫn tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Anh H không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên sau này nếu anh H yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị T là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm c khoản 2 Điều 478, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Ngọc T ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Lan A1 sinh ngày 04/01/2017 cho chị Trần Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Ngọc T về việc không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng do chị Trần Thị Ngọc T đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 06/12/2024 theo biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0005394; chị T đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường C và xã L, TP. C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hải Bằng